

<p><u>Hoạt động 4: Củng cố :</u></p> <p>-Nêu 1 phép tính cộng dạng $9 + 5$ -Đặt tính và thực hiện $39 + 15$. -Tổng của 33 và $25 = ?$ -Nhận xét tiết học</p>	<p>VD: $9 + 7$ - HS thực hiện tính -58.</p>
--	--

Tiết 19:8 cộng với một số: $8 + 5$

I/ MỤC TIÊU :

1.Kiến thức : Giúp học sinh :

- Biết cách thực hiện phép cộng dạng $8 + 5$. Lập được bảng 8 cộng với một số.
- Nhận biết trực giác về tính chất giao hoán của phép cộng.

2.Kĩ năng : Rèn tính nhanh, đúng, chính xác.

3.Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

II/ CHUẨN BỊ :

- Giáo viên : 17 que tính, bảng cài.
- Học sinh : Sách, vở ghi bài, nháp, mỗi em 17 que tính.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>*.Kiểm tra bài cũ:</p> $\begin{array}{r} + 29 \\ \hline 45 \end{array} \quad + \begin{array}{r} 19 \\ \hline 9 \end{array} \quad + \begin{array}{r} 39 \\ \hline 26 \end{array} \quad + \begin{array}{r} 9 \\ \hline 37 \end{array}$ <p>- Nhận xét</p> <p><u>*Dạy bài mới :</u></p> <p>Giới thiệu bài : Ghi $8 + 5$ giống với phép tính nào đã học ? Hôm nay học 8 cộng với một số : $8 + 5$.</p> <p><u>Hoạt động 1 :</u> Giới thiệu $8 + 5$.</p> <p>-Nêu bài toán : Có 8 que tính thêm 5 que tính nữa</p> <p>-Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính ?</p> <p>-Muốn biết có tất cả bao nhiêu que tính ta làm thế nào ?</p> <p><u>Que tính :</u></p>	<p>- HS lên bảng làm</p> <p>-Giống $9 + 5$. -8 cộng với một số : $8 + 5$.</p> <p>-Thực hiện phép cộng $8 + 5$.</p> <p>-Học sinh sử dụng que tính. Báo cáo kết quả. -Đếm thêm 5 que tính vào 8 que tính, hoặc gộp 8 que tính với 5 que tính rồi đếm. -Tách 5 thành 2 và 3 -8 với 2 là 10 que tính, 10 với 3 là</p>

-Nêu cách tìm kết quả ?

-Nhận xét cách thực hiện của HS.

-HDHS cách đặt tính và thực hiện phép tính.

$$\begin{array}{r} + 8 \\ 5 \\ \hline 13 \end{array}$$

- Đặt tính như thế nào ?

-Tính như thế nào ?

-Em nhắc lại cách đặt tính và thực hiện phép tính ?

Hoạt động 2: Bảng công thức 8 cộng với một số.

Bảng phụ : Giáo viên ghi phân công thức :

$$8 + 3 =$$

$$8 + 4 =$$

$$8 + 5 =$$

.....

$$8 + 9 =$$

-Xóa dần bảng.

Hoạt động 3: Luyện tập.

Bài 1 : Yêu cầu HS nối tiếp nhau đọc kết quả từng phép tính.

- Nhận xét

Bài 2 :Tính:

13 que tính.

-Đặt tính sao cho các đơn vị thẳng cột với nhau (5 thẳng với 8).

-8 cộng 5 bằng 13, viết 3 vào cột đơn vị thẳng với 8 và 5, viết 1 vào cột chục.

-Nhiều em nhắc lại.

-Học sinh nối tiếp nhau nêu kết quả của từng phép tính (theo tổ).

-Đồng thanh .

Đọc thuộc lòng / Nhiều em.

HS nối tiếp nhau đọc kết quả từng phép tính.

$$- 8 + 3 = 11 \qquad 8 + 4 = 12$$

$$3 + 8 = 11 \qquad 4 + 8 = 12$$

$$8 + 7 = 15 \qquad 8 + 6 = 14$$

$$7 + 8 = 15 \qquad 6 + 8 = 14$$

$$8 + 9 = 17$$

$$9 + 8 = 17$$

-HS làm bài.

$$\begin{array}{r} + 8 \\ 3 \end{array} \qquad \begin{array}{r} + 8 \\ 7 \end{array} \qquad \begin{array}{r} + 8 \\ 9 \end{array}$$

<p>- Nêu cách thực hiện $8 + 7$, $8 + 8$?</p> <p><i>Bài 3.</i> Tính nhẩm</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Bài 4</u> :Gọi 1 em đọc đề.</p> <p>-Bài toán cho biết những gì ?</p> <p>-Bài toán yêu cầu tìm gì ?</p> <p><u>Tóm tắt</u>:</p> <p>Hà có :8 tem</p> <p>Mai có : 7 tem</p> <p>Cả hai bạn có: ... tem ?</p> <p>-Làm thế nào để biết số tem của hai bạn ? Tại sao ?</p> <p>-Chấm vở, nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 4: Củng cố</u> :</p> <p>Trò chơi Thi HTL bảng cộng 8.</p>	<table style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>11</td> <td>15</td> <td>17</td> </tr> <tr> <td>$+$</td> <td>$+$</td> <td>$+$</td> </tr> <tr> <td>$\frac{4}{8}$</td> <td>$\frac{6}{8}$</td> <td>$\frac{8}{8}$</td> </tr> <tr> <td>12</td> <td>14</td> <td>16</td> </tr> </table> <p>-8 cộng 7 bằng 15, viết 5 thẳng cột với 8 và 7, viết 1 vào cột chục.</p> <p>- HS làm bài</p> <table style="width: 100%;"> <tr> <td>$8 + 5 = 13$</td> <td>$8 + 6 = 14$</td> </tr> <tr> <td>$8 + 2 + 3 = 13$</td> <td>$8 + 2 + 4 = 14$</td> </tr> <tr> <td>$9 + 5 = 14$</td> <td>$9 + 8 = 17$</td> </tr> <tr> <td>$9 + 1 + 4 = 14$</td> <td>$9 + 1 + 7 = 17$</td> </tr> <tr> <td>$8 + 9 = 17$</td> <td></td> </tr> <tr> <td>$8 + 2 + 7 = 17$</td> <td></td> </tr> <tr> <td>$9 + 6 = 15$</td> <td></td> </tr> <tr> <td>$9 + 1 + 5 = 15$</td> <td></td> </tr> </table> <p>1 em đọc đề.</p> <p>-Hà có 8 con tem. Mai có 7 con tem.</p> <p>-Số tem của hai bạn ?</p> <p>-Thực hiện phép cộng $8 + 7$. Vì 8 và 7 là số tem của từng bạn. -Muốn tính số tem của hai bạn ta phải cộng với nhau.</p> <p><u>Bài giải</u>:</p> <p>Số tem cả hai bạn là:</p> <p>$8 + 7 = 15$ (tem)</p> <p><u>Đáp số</u> : 15 tem.</p> <p>-2 đội tham gia.</p>	11	15	17	$+$	$+$	$+$	$\frac{4}{8}$	$\frac{6}{8}$	$\frac{8}{8}$	12	14	16	$8 + 5 = 13$	$8 + 6 = 14$	$8 + 2 + 3 = 13$	$8 + 2 + 4 = 14$	$9 + 5 = 14$	$9 + 8 = 17$	$9 + 1 + 4 = 14$	$9 + 1 + 7 = 17$	$8 + 9 = 17$		$8 + 2 + 7 = 17$		$9 + 6 = 15$		$9 + 1 + 5 = 15$	
11	15	17																											
$+$	$+$	$+$																											
$\frac{4}{8}$	$\frac{6}{8}$	$\frac{8}{8}$																											
12	14	16																											
$8 + 5 = 13$	$8 + 6 = 14$																												
$8 + 2 + 3 = 13$	$8 + 2 + 4 = 14$																												
$9 + 5 = 14$	$9 + 8 = 17$																												
$9 + 1 + 4 = 14$	$9 + 1 + 7 = 17$																												
$8 + 9 = 17$																													
$8 + 2 + 7 = 17$																													
$9 + 6 = 15$																													
$9 + 1 + 5 = 15$																													

-Nhận xét tiết học.

Tiết 20:28 + 5

I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức : Giúp học sinh :

- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $28 + 5$.
- Biết vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước.
- Biết giải bài toán bằng một phép cộng.

2. Kỹ năng : Rèn tính nhanh, đúng, chính xác.

3. Thái độ : Thích học toán.

II/ CHUẨN BỊ :

- Giáo viên : Bảng cài, que tính.
- Học sinh : Sách, vở ghi bài, bảng con, nháp.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: KT bài cũ</u> : Gọi 2 em lên bảng yêu cầu đọc bảng cộng 8 và hỏi 1 số phép tính trong bảng..</p> <p>-Nhận xét.</p>	<p>-2 em đọc thuộc lòng bảng cộng 8 và trả lời một vài phép tính trong bảng cộng 8.</p>
<p><u>Hoạt động 2:</u> Giới thiệu $28 + 5$</p> <p>-Nêu bài toán : Có 28 que tính, thêm 5 que tính nữa. Hỏi có bao nhiêu que tính?</p> <p>- Để biết có được bao nhiêu que tính ta phải làm như thế nào ?</p> <p>Tìm kết quả: Yêu cầu học sinh sử dụng que tính để tìm kết quả.</p>	<p>-Nghe và phân tích đề toán.</p> <p>-Thực hiện phép cộng $28 + 5$</p>
<p>-HDHS đặt tính và tính.</p> $\begin{array}{r} 28 \\ + 5 \\ \hline 33 \end{array}$	<p>-Cả lớp thực hiện que tính. 28 que thêm 5 que : 33 que tính.</p> <p>-Lấy 8 que gộp với 5 que = 13 que tính.</p> <p>-13 que lấy ra 10 que bó thành 1 bó.</p> <p>-1 bó que là 1 chục que, 1 chục que + 2 chục que = 3 chục que</p> <p>-3 chục que và 3 que là 33 que tính.</p> <p>1- em báo cáo kết quả : $28+5=33$</p> <p>-Nhiều em nhắc lại.</p>

Nêu: -Viết 28, rồi viết 5 xuống dưới thẳng cột với 8. Viết dấu + và kẻ vạch ngang
 -Tính từ phải sang trái ; 8 cộng 5 bằng 13 viết 3 nhớ 1 , 2 thêm 1 là 3, viết 3. -Vậy $28 + 5 = 33$

Hoạt động 3 : Làm bài tập.

Bài 1:

-Em thực hiện phép tính như thế nào ?

- Nhận xét khen ngợi

Bài 2.

- Gọi HS đọc đề bài
- YC học sinh làm bài

- Nhận xét khen ngợi

Bài 3 :Gọi 1 em đọc đề.

-1 em nêu: Tính từ phải sang trái.

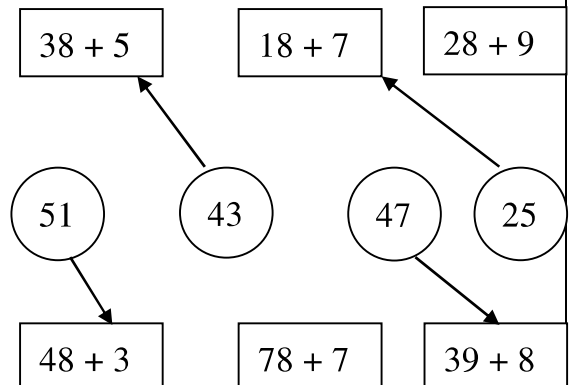
-2 em lên bảng làm bài. Lớp làm vở .

$$\begin{array}{r} + 18 \\ + 3 \\ \hline 21 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 38 \\ + 4 \\ \hline 42 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 58 \\ + 5 \\ \hline 63 \end{array}$$

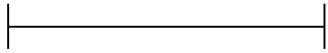
$$\begin{array}{r} + 38 \\ + 9 \\ \hline 47 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 79 \\ + 2 \\ \hline 81 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 19 \\ + 4 \\ \hline 23 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 28 \\ + 6 \\ \hline 34 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 48 \\ + 8 \\ \hline 56 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 40 \\ + 6 \\ \hline 46 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 29 \\ + 7 \\ \hline 36 \end{array}$$



-1 em đọc đề bài.

<p>- GV hỏi kết hợp tóm tắt</p> <p>Gà : 18 con</p> <p>Vịt : 5 con</p> <p>Gà và vịt : ... con?</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><u>Bài 4 :</u></p> <p>-Gọi 1 em đọc đề.</p> <p>-Em nêu cách vẽ đoạn thẳng có độ dài 5 cm ?</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 4: Củng cố :</u></p> <p>- Em nêu cách đặt tính $28 + 5$ và cách thực hiện ?</p> <p>-Giáo dục tính cẩn thận chính xác khi làm toán.</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p>	<p>Lớp làm bài</p> <p><u>Bài giải:</u></p> <p>Số con gà và vịt có :</p> <p>$18 + 5 = 23$ (con)</p> <p><u>Đáp số :</u> 23 con.</p> <p>-1 em đọc đề bài. Vẽ đoạn thẳng có độ dài 5 cm</p> <p>-Vẽ vào vở. 2 em ngồi cạnh kiểm tra.</p> <p>-Dùng bút chấm 1 điểm trên giấy, đặt vạch số 0 trùng với điểm vừa chấm, tìm vạch chỉ 5 cm chấm điểm thứ hai, nối hai điểm ta có đoạn thẳng dài 5cm.</p>  <p>-1 em nêu.</p>
--	--

TUẦN 5

Tiết 21:38 + 25

I/ MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $38 + 25$.
- Biết giải bài toán bằng một phép cộng các số đo có đơn vị dm.
- Biết thực hiện phép tính 9 hoặc 8 cộng với một số để so sánh hai số.

2.Kĩ năng : Rèn đặt tính đúng, tính nhanh, chính xác.

3.Thái độ : Thích học toán.

II/ CHUẨN BỊ :

- Giáo viên :63 Que tính, bảng cài. Viết Bài 2.
- Học sinh : Sách toán, 63 que tính, bảng con, nháp.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: KT bài cũ :</u> Ghi : $45 + 8$ $29 + 8$ -Có 28 hòn bi, thêm 5 hòn bi. Hỏi có tất cả bao nhiêu hòn bi ? -Nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 2:Phép cộng $38 + 25$:</u> <u>a/ Giới thiệu bài :</u> Có 38 que tính, thêm 25 que tính nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính? -Để biết có tất cả bao nhiêu que tính ta làm như thế nào ?</p> <p><u>b/ Tìm kết quả :</u> -Yêu cầu học sinh sử dụng que tính. - Có tất cả bao nhiêu que tính ? Vậy $38 + 25 = ?$</p> <p><u>c/ Đặt tính và tính:</u></p> <p>- Em đặt tính như thế nào ?</p> <p>-Nêu cách thực hiện phép tính ?</p>	<p>-2 em lên bảng nêu cách đặt tính và tính. Lớp làm bảng con. -1 em giải.</p> <p>-Nghe và phân tích đề toán.</p> <p>-Thực hiện phép cộng $38 + 25$.</p> <p>-Thao tác trên que tính. -63 que tính. -Bảng 63. -1 em lên bảng đặt tính. Lớp làm nháp.</p> $\begin{array}{r} 38 \\ + 25 \\ \hline 63 \end{array}$ <p>-Viết 38 rồi viết 25 dưới 38 sao cho 5 thẳng cột với 8, 2 thẳng cột với 3. Viết dấu + và kẻ gạch ngang. -Tính từ phải sang trái : $8 + 5 = 13$,</p>

Hoạt động 3 : Luyện tập.

Bài 1:

- Khi tính em cộng từ đâu sang đâu?

- Nhận xét khen ngợi
- Bài 2. Gọi HS đọc đề bài
- YC học sinh làm bài

- Nhận xét khen ngợi

Bài 3 :

Vẽ hình trên bảng, hỏi : Muốn biết con kiến phải đi hết đoạn đường dài bao nhiêu dm ta làm như thế nào ?

viết 3 nhớ 1, $3 + 2 = 5$ thêm 1 bằng 6 viết 6. Vậy $38 + 25 = 63$.

-3 em nhắc lại.

- Cộng từ phải sang trái.

-3 em lên bảng. HS làm bài vào vở.

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 45 \\ \hline 83 \end{array} \quad \begin{array}{r} 58 \\ + 36 \\ \hline 94 \end{array} \quad \begin{array}{r} 28 \\ + 59 \\ \hline 87 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68 \\ + 4 \\ \hline 72 \end{array} \quad \begin{array}{r} 44 \\ + 8 \\ \hline 52 \end{array} \quad \begin{array}{r} 47 \\ + 32 \\ \hline 79 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 27 \\ \hline 75 \end{array} \quad \begin{array}{r} 38 \\ + 38 \\ \hline 76 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68 \\ + 12 \\ \hline 80 \end{array} \quad \begin{array}{r} 48 \\ + 33 \\ \hline 81 \end{array}$$

-HS đọc đề bài

Số hạng	8	28	38	8	18	80
Số hạng	7	16	41	53	34	8
Tổng	15	44	79	61	52	88

- Nhận xét bài bạn.

-1 em đọc đề bài.

- $28 \text{ dm} + 34 \text{ dm}$.

-Giải vào vở.

<p>- Nhận xét khen ngợi</p> <p><u>Bài 4:</u> Bài toán yêu cầu gì ? Muốn so sánh các tổng này với nhau ta làm gì trước ?</p> <p>*</p> <p>-Ngoài cách tính tổng ta còn cách tính nào khác ? -Nhận xét. <u>Hoạt động 4: Củng cố :</u> - Nêu cách đặt tính và thực hiện $38 + 25$? - Dặn dò : Học thuộc cách đặt tính và tính. - Nhận xét giờ học</p>	<p><u>Bài giải:</u> Con kiến phải đi đoạn đường dài là: $28 + 34 = 62$ (dm) <u>Đáp số :</u> 62 dm.</p> <p>-Điền dấu $>< =$ vào chỗ thích hợp. -Tính tổng rồi mới so sánh. -3 em lên bảng. Lớp làm vở. $8 + 4 < 8 + 5$ $9 + 8 = 8 + 9$ $9 + 7 > 9 + 6$ $18 + 8 < 19 + 9$ $18 + 9 = 19 + 8$ $19 + 10 > 10 + 18$ - $9 = 9$ và $7 > 6$ nên $9 + 7 > 9 + 6$.</p> <p>- HS trả lời</p> <p>1 em nêu: Đặt tính: viết thẳng cột... Tính: cộng từ phải sang trái... Học bài.</p>
---	---

Tiết 22: Luyện tập

I/ MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: - Thuộc bảng 8 cộng với một số.
- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $28 + 5$; $38 + 25$.
- Biết giải bài toán theo tóm tắt với một phép cộng.
2. Kĩ năng : Rèn đặt tính đúng, tính nhanh, chính xác.

3.Thái độ : Thích học toán.

II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

Đồ dùng phục vụ trò chơi.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: Luyện tập :</u></p> <p><u>Bài 1 :</u> - <i>Bài toán yêu cầu làm gì?</i></p> <p>-Yêu cầu hs nhắm và nối tiếp nhau đọc ngay kết quả của từng phép tính.</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Bài 2 :</u></p> <p>- Gọi 1 hs đọc đề bài.</p> <p>- Yêu cầu hs làm bài vào vở.</p> <p>Gọi 2 hs lên bảng làm bài.</p> <p>- Gọi 2 hs nhận xét bài 2 bạn trên bảng. Yêu cầu hs kiểm tra bài làm của mình.</p> <p>- Yêu cầu hs lên bảng lần lượt nêu cách đặt tính và thực hiện phép tính : $48 + 24$.</p> <p><u>Bài 3 :</u></p> <p>- Yêu cầu 1 hs nêu đề bài.</p> <p>- Dựa vào tóm tắt hãy nói rõ bài toán cho biết gì ?</p>	<p>- Tính nhẩm</p> <p>- Hs làm bài miệng</p> $\begin{array}{r} 8+2=10 \\ 8+6=14 \\ 18+6=24 \\ 8+4=12 \\ 8+8=16 \\ 18+8=26 \end{array} \quad \begin{array}{r} 8+3=11 \\ 8+7=15 \\ 18+7=25 \\ 8+5=13 \\ 8+9=17 \\ 18+9=27 \end{array}$ <p>- Đặt tính rồi tính.</p> <p>- Hs làm bài</p> $\begin{array}{r} 38+15 \\ + \quad 15 \\ \hline 53 \end{array} \quad \begin{array}{r} 48+24 \\ + \quad 24 \\ \hline 72 \end{array} \quad \begin{array}{r} 68+13 \\ + \quad 13 \\ \hline 81 \end{array} \quad \begin{array}{r} 78+9 \\ + \quad 9 \\ \hline 87 \end{array} \quad \begin{array}{r} 58+26 \\ + \quad 26 \\ \hline 84 \end{array}$ <p>- Nhận xét bài bạn và cả cách đặt tính, thực hiện phép tính.</p> <p>- Hs 1;</p> <p>+ Đặt tính : Viết 48 rồi viết 24 dưới 48 sao cho thẳng hàng với 8, 2 thẳng cột với 4. Viết dấu + và kẻ vạch ngang.</p> <p>+ Thực hiện phép tính từ phải sang trái : 8 cộng 4 bằng 12, viết 2 nhớ 1, 4 cộng 2 bằng 6 với 1 là 7, viết 7. Vậy 48 cộng 24 bằng 72.</p> <p>- Giải bài toán theo tóm tắt.</p> <p>- Bài toán cho biết có 28 cái kẹo chanh và 26 cái kẹo dứa.</p>

<p>- Bài toán hỏi gì ? - Hãy đọc đề bài dựa vào tóm tắt.</p> <p>- Yêu cầu hs tự làm bài, 1 hs làm bài trên bảng lớp.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><i>Bài 4.Số ?</i></p> <p>- Gọi HS đọc đề bài -Hướng dẫn HS làm bài - Nhận xét khen ngợi</p> <p>Bài 5: Gọi HS đọc đề bài</p> <p>-Hướng dẫn HS làm bài</p> <p>- Nhận xét khen ngợi</p> <p><u>Hoạt động 2: Củng cố – dặn dò :</u></p> <p>- Nhắc lại cách đặt tính dạng $28+5$; $38+25$.</p> <p>- Nhận xét giờ học</p>	<p>- Bài toán hỏi số kẹo cả hai gói . -VD: Gói kẹo chanh có 28 cái. Gói kẹo dứa có 26 cái. Hỏi cả hai gói có bao nhiêu cái kẹo ?</p> <p><i>Bài giải:</i></p> <p>Số kẹo cả hai gói có : $28 + 26 = 54$ (cái kẹo) Đáp số : 54 cái kẹo</p> <p>- Nhận xét</p> <p>- HS đọc đề bài - HS làm bài</p> <p>- Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng $28 + 4 = ?$ A.68 B.22 C.32 D.24</p> <p>- Lắng nghe và làm bài</p> <p>C. 32</p>
--	---

Tiết 23:Hình chữ nhật – Hình tam giác

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:- Nhận dạng được và gọi đúng tên hình chữ nhật, hình tứ giác.
2. Kỹ năng- Biết nối các điểm để có hình chữ nhật, hình tứ giác.
3. Thái độ: HS yêu thích môn học

II.CHUẨN BỊ :

- Một số miếng nhựa hình chữ nhật, hình tứ giác; bảng nỉ.
- Các hình vẽ phần bài học, SGK

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>* <u>Hoạt động 1</u>: Giới thiệu hình chữ nhật:</p> <p>-Gắn trên bảng một hình chữ nhật rồi nói : Đây là hình chữ nhật.</p> <p>-Yêu cầu hs lấy trong hộp đồ dùng một hình chữ nhật.</p> <p>-Vẽ lên bảng 1 hình chữ nhật ABCD và hỏi : Đây là hình gì ?</p> <p>-Hãy đọc tên hình.</p> <p>-Hình có mấy cạnh ?</p> <p>-Hình có mấy đỉnh ?</p> <p>-Đọc tên các hình chữ nhật có trong phần bài học.</p> <p>-Hình chữ nhật gần giống hình nào đã học ?</p> <p><u>Hoạt động 2</u>:Giới thiệu hình tứ giác :</p> <p>-Vẽ lên bảng hình tứ giác MNPQ và giới thiệu :</p> <p>+ Đây là hình tứ giác.</p> <p>+ Hình có mấy cạnh ?</p> <p>+ Hình có mấy đỉnh ?</p> <p>-Nêu : Các hình có 4 cạnh, 4 đỉnh được gọi là hình tứ giác.</p> <p>+ Hình như thế nào gọi là hình tứ giác ?</p> <p>+ Đọc tên các hình tứ giác có trong bài học.</p> <p>- Nếu nói hình chữ nhật cũng là hình tứ giác. Theo em như vậy là đúng hay sai ? Vì sao ?</p> <p>+ <u>KL</u>: Hình chữ nhật và hình vuông là những hình tứ giác đặc biệt.</p> <p><u>Hoạt động 3</u>:<u>Thực hành</u> :</p> <p><u>Bài 1</u>:</p> <p>- Gọi 1 hs đọc yêu cầu bài.</p>	<p>- Tìm trong hộp đồ dùng lấy đúng hình chữ nhật.</p> <p>- Đây là hình chữ nhật.</p> <p>- ABCD.</p> <p>- Hình có 4 cạnh.</p> <p>- Hình có 4 đỉnh..</p> <p>- ABCD, MNPQ, EFGH</p> <p>- HS trả lời theo suy nghĩ. (gần giống hình vuông).</p> <p>- Quan sát và cùng nêu: Tứ giác MNPQ</p> <p>- Hình có 4 cạnh.</p> <p>- Hình có 4 đỉnh.</p> <p>- HS nhắc lại.</p> <p>- Hình có 4 cạnh và 4 đỉnh gọi là hình tứ giác.</p> <p>- CDEG, PQRS, MNHK.</p> <p>- HS suy nghĩ trả lời.</p> <p>- Dùng thước và bút nối các điểm để được hình chữ nhật và hình tứ</p>

- Yêu cầu hs tự nối.

- Hãy đọc tên hình chữ nhật.
- Hình tứ giác nối được là hình nào ?
- Nhận xét khen ngợi

Bài 2 :

-Yêu cầu hs đọc đề bài.

- Yêu cầu hs quan sát kĩ và trả lời
- Sau đó gọi 1 số HS trả lời.

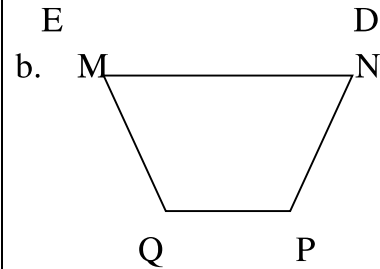
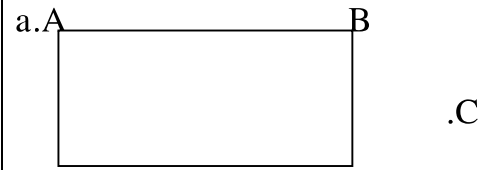
- Nhận xét

Bài 3. -Yêu cầu hs đọc đề bài.

-Yêu cầu hs quan và làm bài

giác.

- HS tự nối,



Đổi chéo vở để kiểm tra.

- Hình chữ nhật ABDE,
- Hình tứ giác MN.

Trong mỗi hình dưới đây có mấy hình tứ giác ?

-HS quan sát kĩ và trả lời

a. 1 hình

b. 2 hình.

c. 1 hình..

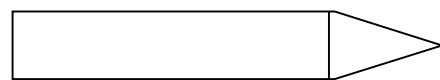
-Kẻ thêm một đoạn thẳng trong hình sau để được:

a. Một hình chữ nhật và một hình tam giác.

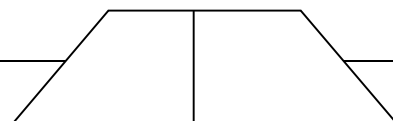
b. Ba hình tứ giác.

- HS thực hiện theo yêu cầu

a, Một hình chữ nhật và một hình tam giác.



b, Ba hình tứ giác.



<p>- Nhận xét khen ngợi</p> <p>Hoạt động 4: Củng cố – Dặn dò :</p> <p>Tổ chức cho HS chơi thi vẽ hình theo yêu cầu :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kẻ thêm một đoạn vào hình để được 2 hình tam giác và 1 hình tứ giác. + Kẻ thêm một đoạn vào hình để có 3 hình tứ giác <p>- Nhận xét giờ học</p>	
--	--

Tiết 24 : Bài toán về nhiều hơn

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Biết giải và trình bày bài giải bài toán về nhiều hơn.
2. Kỹ năng : Rèn kỹ năng giải toán có lời văn bằng một phép tính cộng.
3. Thái độ : Rèn tính cẩn thận cho học sinh

II. CHUẨN BỊ :

- Vẽ 7 quả cam.
- Bảng gài.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ; GTB :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết lên bảng: - Đặt tính rồi tính: $38 + 15$; $78 + 9$ 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS lên bảng làm - HS thực hiện

<ul style="list-style-type: none"> - Giải bài toán theo tóm tắt sau: - Vải xanh : 28dm - Vải đỏ: 25dm - Cả hai mảnh; ...dm? - Nhận xét khen ngợi * Giới thiệu bài : -Trong giờ học Toán hôm nay chúng ta sẽ được làm quen với một dạng toán có lời văn mới. Đó là Bài toán về nhiều hơn. <u>Hoạt động 2: Giới thiệu bài toán về nhiều hơn :</u> -Yêu cầu HS tập trung theo dõi trên bảng. -Cài 5 quả cam ở hàng trên lên bảng gài và nói : Hàng trên có 5 quả cam. -Cài 2 quả cam xuống hàng dưới, sau 5 quả hàng trên và nói : Hãy so sánh số cam 2 cành với nhau. -Hàng dưới nhiều hơn cành trên bao nhiêu quả cam ? -GV dùng thước chỉ lên bảng gài và đọc đề bài toán : Hàng trên có 5 quả cam. Hàng dưới nhiều hơn hàng trên 2 quả cam. Hỏi hàng dưới có mấy quả cam ? -Muốn biết hàng dưới có mấy quả cam, ta làm thế nào ? -Hãy đọc cho cô câu trả lời của bài toán. -Yêu cầu HS làm bài ra giấy nháp. Gọi 1 HS lên bảng -Nhận xét, chỉnh sửa. * Tóm tắt cách giải: 	<p style="text-align: center;">Giải</p> <p>Cả hai mảnh vải dài số dm là: $28 + 25 = 53$ (dm) Đáp số: 53 dm</p> <p>-Nghe giảng</p> <p>-Nghe giảng</p> <p>- Hàng dưới nhiều hơn cành trên .</p> <p>- Nhiều hơn 2 quả.</p> <p>- Lấy 5 cộng 2 bằng 7 quả cam.</p> <p>- Số quả cam hàng dưới có là :$5+2=7$ (quả) <u>Đáp số</u> : 7 quả cam.</p> <p>-HS làm bài ra giấy nháp</p> <p>-1 HS lên bảng làm</p>
---	--

<p>-Biết số bé</p> <p>-Biết phần “ nhiều hơn” của số lớn so với số bé.</p> <p>-Tìm số lớn: Số lớn = Số bé + phần “ nhiều hơn”.</p> <p><u>Hoạt động 3: Thực hành :</u></p> <p><u>Bài 1 :</u></p> <p>- Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Gọi 1 HS đọc tóm tắt.</p> <p>- Bài toán cho biết gì ?</p> <p>- Bài toán hỏi gì ?</p> <p>- Muốn biết Bình có mấy bông hoa, ta làm thế nào ?</p> <p>-Trước khi làm phép tính, ta phải trả lời thế nào ?</p> <p>-Yêu cầu HS làm bài vào vở. Gọi 1 HS lên bảng rồi làm bài.</p> <p>-Nhận xét, chỉnh sửa.</p> <p><i>Bài 2:</i> - Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <p>- Gọi 1 HS đọc tóm tắt.</p> <p>- Bài toán cho biết gì ?</p> <p>- Bài toán hỏi gì ?</p> <p>Muốn biết Bảo có mấy viên bi, ta làm thế nào ?</p> <p>-Trước khi làm phép tính, ta phải trả lời thế nào ?</p> <p>-Yêu cầu HS làm bài vào vở. Gọi 1 HS lên bảng rồi làm bài.</p> <p>-Nhận xét, chỉnh sửa</p> <p><u>Bài 3:</u></p> <p>-Yêu cầu HS đọc yêu cầu bài.</p> <p>-GV hỏi kết hợp tóm tắt lên bảng yêu cầu HS làm bài</p>	<p>-Nghe giảng</p> <p>- Đọc đề bài.</p> <p>- Đọc tóm tắt.</p> <p>- Hoà có 4 bông hoa. Bình có nhiều hơn Hoà 2 bông hoa.</p> <p>- Hỏi Bình có mấy bông hoa?</p> <p>- Lấy 4 cộng 2 bằng 6 bông hoa.</p> <p>- Số bông hoa Bình có là: 4+2=6 (bông hoa)</p> <p><u>Đáp số:</u> 6 bông hoa.</p> <p>-Đọc đề bài.</p> <p>- Đọc tóm tắt.</p> <p>-Nam có 10 viên bi, Bảo có nhiều hơn Nam 5 viên bi.</p> <p>- Hỏi Bảo có bao nhiêu viên bi ?</p> <p>- Lấy 10 + 5 = 15 bông hoa</p> <p>-Bảo có số viên bi là :</p> <p><u>Bài giải:</u> Số viên bi Bảo có là: (hoặc Bảo có số viên bi là:) 10 + 5 = 15 (viên bi)</p> <p><u>Đáp số:</u> 15 viên bi.</p> <p>-HS đọc yêu cầu bài</p>
--	---

<p>Tóm tắt</p> <p>Mận cao : 95cm</p> <p>Đào cao hơn Mận: 3cm</p> <p>Đào cao : ...cm ?</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Hoạt động 4:Củng cố :</u></p> <p>-Các em giải bài toán về nhiều hơn trong bài bằng phép tính gì?</p> <p>-Nhận xét tiết học</p>	<p>- HS thực hiện</p> <p><u>Bài giải:</u></p> <p>Bạn Đào cao là: (hoặc Chiều cao của Đào là:)</p> <p style="padding-left: 40px;">$95 + 3 = 98$ (cm)</p> <p><u>Đáp số:</u> 98 cm.</p> <p>- Phép cộng</p>
--	---

TIẾT 25: Luyện tập


I.MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:- Biết giải và trình bày bài giải bài toán về nhiều hơn trong các tình huống khác nhau.
2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng giải toán có lời văn bằng một phép tính cộng.
- 3.Thái độ : Rèn tính cẩn thận cho học sinh

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1:Hướng dẫn hs làm bài tập:</u></p> <p><u>Bài 1</u></p> <p>- Yêu cầu hs đọc đề bài.</p> <p>- GV hỏi và ghi tóm tắt.</p> <p>- Cốc có :6 bút chì</p> <p>- Hộp có nhiều hơn: 2 bút chì</p> <p>- Hộp có : ... bút chì?</p> <p>-Để biết hộp của Bình có bao nhiêu bút chì, ta làm thế nào ?</p> <p>-Yêu cầu hs trình bày bài giải. 1 hs lên</p>	<p>- Đọc đề bài.</p> <p>-Lấy 8 cộng 4 bằng 12 bút chì.</p> <p><u>Bài giải:</u></p>

<p>bảng làm bài.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><u>Bài 2</u></p> <p>-Yêu cầu hs dựa vào tóm tắt và đọc đề toán.</p> <p>-Yêu cầu hs tự làm bài.</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Bài 3.</u></p> <p>Yêu cầu hs dựa vào tóm tắt và đọc đề toán.</p> <p>-Yêu cầu hs tự làm bài.</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Bài 4 :</u></p> <p>-Gọi 1 hs đọc đề bài câu a.</p> <p>-GV hỏi và tóm tắt:</p> <p>AB dài : 10 cm</p> <p>CD dài hơn AB : 2 cm</p> <p>CD dài : ... cm?</p>	<p>Số bút chì trong hộp có là:/ Trong hộp có số bút chì là:/...</p> <p>$6+2=8$ (bút chì)</p> <p><u>Đáp số:</u> 8 bút chì.</p> <p>- VD:An có 11 bưu ảnh, Bình có nhiều hơn An 3 bưu ảnh . hỏi Bình có bao nhiêu bưu ảnh ?</p> <p><u>Bài giải:</u></p> <p>Số bưu ảnh của Bình có là: / Bình có số bưu ảnh là:</p> <p>$11 + 3 = 14$ (bưu ảnh)</p> <p><u>Đáp số:</u> 14 bưu ảnh</p> <p>- HS đọc</p> <p>- HS làm bài</p> <p><u>Bài giải:</u></p> <p>Số người của đội hai là:</p> <p>$15 + 2 = 17$ (người)</p> <p><u>Đáp số:</u> 17 người.</p> <p>- Đọc đề bài.</p> <p><u>Bài giải:</u></p> <p>Đoạn thẳng CD dài là:</p> <p>$10 + 2 = 12$ (cm)</p> <p><u>Đáp số:</u> 12 cm</p>
--	---

<p><u>Câu b.</u> Yêu cầu hs nêu cách vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước và vẽ.</p>  <p><u>HOẠT ĐỘNG 2 : Củng cố :</u> <i>Trò chơi :</i> Tổ chức cho hs chơi trò chơi <i>Thi sáng tác đề toán theo số :</i> Chia lớp thành 2 nhóm. Gv đưa ra cặp số: 7 và 5. Yêu cầu 2 nhóm đặt đề toán trong đó có sử dụng 2 số đó và viết tất cả các đề toán có thể sử dụng 2 số trên. Sau 5 phút chơi, đội nào có nhiều đề toán hơn thì đội đó thắng cuộc. - Nhận xét khen ngợi</p>	<p>- Chơi trò chơi. trao đổi và viết ra giấy nháp.</p>
--	--

TUẦN 6

Tiết 26: 7 CỘNG VỚI MỘT SỐ: 7 + 5

I.MỤC TIÊU :

1. Kiến thức: Biết thực hiện phép tính cộng dạng $7 + 5$, lập được bảng 7 cộng với một số.
- Nhận biết trực giác về tính chất giao hoán của phép cộng.
2. Kỹ năng: Biết giải và trình bày bài giải bài toán về nhiều hơn.
3. Thái độ : Rèn tính cẩn thận cho học sinh

II.CHUẨN BỊ :

- Que tính, bảng gài.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: KT bài cũ:</u> GV viết lên bảng : 1. Dựa vào tóm tắt giải bài toán sau: Hà cao : 85 cm Ngọc cao hơn Hà: 5 cm Ngọc cao : ... cm? 2. Tính: $48 + 7 + 3 =$ $29 + 5 + 4 =$</p>	<p>-2 HS làm bài Giải Ngọc cao hơn Hà số cm là: $85 + 5 = 90$ (cm) Đáp số: 90 cm $48 + 7 + 3 = 58$ $29 + 5 + 4 = 38$</p>

<p>- Nhận xét</p> <p>Hoạt động 2:Giới thiệu phép cộng 7 + 5</p> <p>-Nêu bài toán : Có 7 que tính, thêm 5 que tính nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính ?</p> <p>-Muốn biết có tất cả bao nhiêu que tính ta làm thế nào ?</p> <p>-Yêu cầu hs sử dụng que tính để tìm kết quả.</p> <p>-7 que tính thêm 5 que tính là bao nhiêu que tính ?</p> <p>- HD hs đặt tính và tính.</p> $\begin{array}{r} 7 \\ + 5 \\ \hline 12 \end{array}$ <p>-Hãy nhắc lại cách đặt tính?</p> <p>-Nhắc lại cách tính?</p> <p>Hoạt động 3:Lập bảng các công thức 7 cộng với 1 số và học thuộc lòng.</p> <p>-Yc hs sử dụng que tính để tìm kết quả các phép tính trong phần bài học.</p> <p>-Yc hs báo cáo kết quả, gv ghi bảng.</p> <p>-Tổ chức cho hs học thuộc bảng cộng 7 theo các xoá dần.</p> <p>Hoạt động 4:Thực hành</p> <p>Bài 1:Tính nhẩm :</p> <p>Yc hs tự nhẩm rồi nêu kết quả</p> <p>– Khi đổi chỗ các số hạng trong phép cộng thì tổng thế nào?</p> <p>- Nhận xét</p>	<p>-Nghe và phân tích đề toán.</p> <p>-Thực hiện phép cộng 7 + 5</p> <p>-Thao tác trên que tính để tìm kết quả.</p> <p>-Là 12 que tính</p> <p>-Viết 7 rồi viết 5 xuống dưới, thẳng cột với 7. Viết dấu + rồi gạch ngang.</p> <p>- 7 cộng 5 bằng 12, viết 2 dưới 5, viết 1 vào cột chục.</p> <p>-Thao tác trên que tính và trả lời.</p> $7+4=11$ $7+5=12$ $7+6=13$ $7+7=14$ $7+8=15$ $7+9=16$ <p>-Học thuộc bảng cộng 7.</p> <p>- HS làm bài và nêu kết quả</p> $7+4=11 \quad 7+6=13 \quad 7+8=15 \quad 7+9=16$ $8+7=15 \quad 9+7=16 \quad 4+7=11 \quad 6+7=13$ <p>- Nhận xét, sửa bài.</p> <p>-Tổng không đổi</p>
--	---

Bài 2:Tính:

Yêu cầu hs tự làm bài.

Gọi hs lên bảng làm bài và nhận xét.

-Yc hs nêu cách đặt tính và tính $7 + 8$.

- Nhận xét

Bài 3:Tính nhẩm :

- Tính nhẩm có nghĩa là gì ?

-Nhận xét

Bài 4:

-Yc hs đọc đề bài

Gv hỏi kết hợp ghi tóm tắt.

Em : 7 tuổi

Anh hơn em: 5 tuổi

Anh : ... tuổi?

- Tại sao lấy 7 cộng 5 ?

-Nhận xét

Bài 5.-Yc hs đọc đề bài

Yêu cầu hs tự làm bài.

Gọi hs lên bảng làm bài và nhận xét.

-Nhận xét.

Hoạt động 5: Củng cố :

Gọi 1 HS đọc lại các công thức 7 cộng với 1 số?

Gọi 1 HS nêu cách đặt tính và tính $7 + 5$

Nhận xét tiết học ...

- HS thực hiện tính

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 4 \\ \hline 11 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 8 \\ \hline 15 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 9 \\ \hline 16 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 7 \\ \hline 14 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 3 \\ \hline 10 \end{array}$$

- HS nêu

- Tính nhẩm có nghĩa là nhẩm trong đầu và ghi kết quả ra

$$7 + 5 = 12 \qquad 7 + 6 = 13$$

$$7 + 3 + 2 = 12 \qquad 7 + 3 + 3 = 13$$

$$7 + 8 = 15 \qquad 7 + 9 = 16$$

$$7 + 3 + 5 = 15 \qquad 7 + 3 + 6 = 16$$

- HS đọc yêu cầu bài

- HS trả lời và làm bài

Bài giải:

Tuổi anh là:

$$7 + 5 = 12 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: 12 tuổi

-Vì em 7 tuổi, anh lớn hơn em 5 tuổi.

Muốn tính tuổi anh phải lấy $7 + 5$.

- HS đọc yêu cầu bài

- 2 học sinh lên bảng làm

$$a, 7 + 6 = 13 \qquad b, 7 - 3 + 4 = 11$$

Nhận xét.

--	--	--

Tiết 27: 47 + 5

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:

-Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng 47 + 5.

-2. Kỹ năng:

- Biết giải bài toán về nhiều hơn theo tóm tắt bằng sơ đồ đoạn thẳng.

3. Thái độ : Rèn tính cẩn thận cho học sinh

II. CHUẨN BỊ :

-Que tính, bảng gài.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: KT bài cũ</u> Gọi 2 HS đọc thuộc lòng các công thức cộng với 1 số và hỏi một vài phép tính trong bảng. - Nhận xét khen ngợi HS</p> <p><u>Hoạt động 2: Giới thiệu phép cộng 47 + 5</u> -GV nêu bài toán :Có 47 que tính, thêm 5 que tính nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính ? - Muốn biết có tất cả bao nhiêu que tính ta làm thế nào ? - 47 cộng 5 bằng bao nhiêu? -HDHS thực hiện đặt tính và tính</p> <p style="text-align: center;">+ 47</p>	<p>- 2 HS thực hiện</p> <p>-Lắng nghe và phân tích đề.</p> <p>-Thực hiện phép cộng 47 + 5</p> <p>-HS thao tác que tính tìm kết quả - 47 + 5 = 52</p>

$$\frac{5}{52}$$

GV: Nêu: - Đặt tính theo cột dọc
 - Cộng từ phải sang trái, 7 cộng 5 bằng 12, viết 2 nhớ 1, 4 cộng 1 bằng 5, viết 5. Vậy 47 cộng 5 bằng 52.
 - Yc hs nhắc lại cách đặt tính.

Hoạt động 3: Thực hành

Bài 1

- Yc hs tự làm bài. Gọi 2 hs lên bảng làm bài.

- Nhận xét

Bài 2.

- Gọi HS đọc đề bài
- Yêu cầu HS làm bài

- Nhận xét

Bài 3: Vẽ sơ đồ bài toán lên bảng.

- Nhắc lại

Tự làm bài

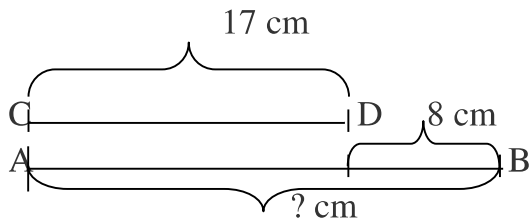
$$\begin{array}{r} 17 \\ + 4 \\ \hline 21 \end{array} \quad \begin{array}{r} 27 \\ + 5 \\ \hline 32 \end{array} \quad \begin{array}{r} 37 \\ + 6 \\ \hline 43 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ + 9 \\ \hline 76 \end{array} \quad \begin{array}{r} 17 \\ + 3 \\ \hline 20 \end{array} \quad \begin{array}{r} 25 \\ + 7 \\ \hline 32 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 7 \\ \hline 54 \end{array} \quad \begin{array}{r} 77 \\ + 8 \\ \hline 85 \end{array} \quad \begin{array}{r} 47 \\ + 2 \\ \hline 49 \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + 27 \\ \hline 35 \end{array}$$

- HS đọc đề bài

Số hạng	7	27	19	47	7
Số hạng	8	7	7	6	13
Tổng	15	34	26	53	20



Yc hs nhìn sơ đồ và trả lời : Đoạn thẳng CD dài mấy cm

? Đoạn thẳng AB như thế nào với đoạn thẳng CD ?

-Bài toán hỏi gì ?

Hãy đọc đề toán.

-Yc hs làm bài.

- Nhận xét

Bài 4

- Gọi HS đọc đề bài

- Yêu cầu HS làm bài

- Nhận xét

Hoạt động 4: Củng cố :

Gọi 2 HS nhắc lại cách đặt tính và tính

$47 + 5$

Nhận xét tiết học...

- CD dài 17 cm.

- AB dài hơn CD 8 cm.

Tìm độ dài của đoạn thẳng AB

- 2 HS đọc đề.

Bài giải:

Đoạn thẳng AB dài là:

$$17 + 8 = 25 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 25 cm.

- HS đọc đề bài

- HS làm bài

(D) 9

Tiết 28 : 47 + 25

I.MỤC TIÊU :Giúp hs :

1. Kiến thức:

- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $47 + 25$.

2. Kỹ năng

- Biết giải và trình bày bài giải bằng một phép cộng.

3.Thái độ :

- HS yêu thích môn học

II.CHUẨN BI :

- Que tính.
- Viết BT2 câu a,b,d ,e trên bảng phụ.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: KT bài cũ:</u> GV viết lên bảng: Đặt tính rồi tính: $37+9=$ $57+8=$ $67+7=$ $47+6=$ - Nhận xét khen ngợi</p>	<p>- 4 HS lên bảng cả lớp làm giấy nháp</p>
<p><u>Hoạt động 2:Giới thiệu phép cộng</u> <u>47 + 25</u> -Nêu bài toán về que tính có phép cộng $47 + 25$. -Muốn biết có tất cả bao nhiêu que tính ta làm thế nào ? -Yc hs dùng que tính để tìm kết quả. - 47 que tính thêm 25 que tính là bao nhiêu</p>	<p>- HS nêu -Thực hiện phép tính cộng $47 + 25$. -Dùng que tính tìm kết quả. -... 72 que tính</p>

que tính

Yc hs nêu cách làm.

-HD hs đặt tính và thực hiện phép.

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 25 \\ \hline 72 \end{array}$$

-Em hãy nêu cách tính?

Hoạt động 3:Thực hành

Bài 1

-Yc hs tự làm bài.

).

Chữa miệng.

-Nhận xét.

Bài 2:

-Gọi hs đọc đề bài.

- Một phép tính làm đúng là phép tính ntn?
(đặt tính ra sao, kết quả thế nào?)

- Tại sao lại điền sai vào **phép tính b?**

Chữa miệng.

-Nhận xét

-2 HS nêu cách làm.

- Cộng từ phải sang trái. 7 cộng 5 bằng 12, viết 2 nhớ 1. 4 cộng 2 bằng 6, 6 thêm 1 bằng 7, viết 7.

- HS lên bảng

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 24 \\ \hline 41 \end{array} \quad \begin{array}{r} 37 \\ + 36 \\ \hline 73 \end{array} \quad \begin{array}{r} 47 \\ + 27 \\ \hline 74 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 77 \\ + 3 \\ \hline 80 \end{array} \quad \begin{array}{r} 28 \\ + 17 \\ \hline 45 \end{array} \quad \begin{array}{r} 39 \\ + 7 \\ \hline 36 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 57 \\ + 18 \\ \hline 75 \end{array} \quad \begin{array}{r} 67 \\ + 29 \\ \hline 96 \end{array} \quad \begin{array}{r} 47 \\ + 9 \\ \hline 56 \end{array} \quad \begin{array}{r} 29 \\ + 7 \\ \hline 36 \end{array}$$

-Đúng ghi Đ, sai ghi S

- Là phép tính đặt tính đúng (thẳng cột) , kết quả cũng phải đúng.

a.Đ; b. S; d. Đ; e. Sc. S

- Đặt tính sai... kết quả cũng sai.

Đọc đề.

Bài 3: -Gọi 1 hs đọc đề

GV hỏi kết hợp tóm tắt lên bảng:

Nữ : 27 người

Nam : 18 người

Cả đội : ... người?

-Yc hs tự làm bài.

- Nhận xét

Bài 4.

- Gọi hs đọc đề bài.
- Yêu cầu HS làm bài

- Khen ngợi học sinh

Hoạt động 4: Củng cố :

-Gọi 2 HS lên bảng đặt tính và tính:

$47 + 26$; $57 + 17$;

Nhận xét tiết học

Làm bài

Bài giải:

Số người đội có là:

$$27 + 18 = 45 \text{ (người)}$$

Đáp số: 45 người.

- HS đọc đề bài
- HS làm bài

$$\begin{array}{r} 37 \\ + 5 \\ \hline 42 \end{array} \quad \begin{array}{r} 27 \\ + 16 \\ \hline 43 \end{array}$$

Tiết 29: LUYỆN TẬP

I.MỤC TIÊU : Giúp hs củng cố về :

1. Kiến thức :

-Thuộc bảng 7 cộng với một số.

-Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $47 + 5$, $47 + 25$.

2. Kỹ năng :

- Biết giải bài toán theo tóm tắt với một phép cộng.

3. Thái độ :

- Rèn tính cẩn thận cho học sinh

II.CHUẨN BỊ :

Nội dung bài tập 4 viết trên bảng phụ, đồ dùng phục vụ trò chơi.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS						
<p><u>Hoạt động 1: Luyện tập</u></p> <p><u>Bài 1:</u> Gọi hs đọc đề bài. H: Tính nhẩm có nghĩa là gì ?</p> <p>-Yc hs nhẩm rồi nêu kết quả</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Bài 2:</u> Gọi hs đọc đề bài. -Gọi HS lên bảng làm bài, hs khác làm vào vở.</p>	<p>- Tính nhẩm</p> <p>-Tính nhẩm có nghĩa là nhẩm trong đầu và ghi kết quả ra</p> <p style="text-align: center;">$7+3=10$ $7+4=11$</p> <p style="text-align: center;">$7+7=14$ $7+8=15$</p> <p style="text-align: center;">$5+7=12$ $6+7=13$</p> <p style="text-align: center;">$7+5=12$ $7+6=13$</p> <p style="text-align: center;">$7+9=16$ $7+10=17$</p> <p style="text-align: center;">$8+7=15$ $9+7=16$</p> <p>- Nhận xét bài bạn</p> <p>-Đặt tính rồi tính:</p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">$37+15$</td> <td style="text-align: right; padding-right: 20px;">$47+18$</td> <td style="text-align: right;">$67 + 9$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">$\begin{array}{r} 37 \\ + 15 \\ \hline 52 \end{array}$</td> <td style="text-align: right;">$\begin{array}{r} 47 \\ + 18 \\ \hline 65 \end{array}$</td> <td style="text-align: right;">$\begin{array}{r} 67 \\ + 9 \\ \hline 76 \end{array}$</td> </tr> </table> <p>$24+17$</p> <p style="text-align: right;">$\begin{array}{r} 24 \\ + 17 \\ \hline \end{array}$</p>	$37+15$	$47+18$	$67 + 9$	$\begin{array}{r} 37 \\ + 15 \\ \hline 52 \end{array}$	$\begin{array}{r} 47 \\ + 18 \\ \hline 65 \end{array}$	$\begin{array}{r} 67 \\ + 9 \\ \hline 76 \end{array}$
$37+15$	$47+18$	$67 + 9$					
$\begin{array}{r} 37 \\ + 15 \\ \hline 52 \end{array}$	$\begin{array}{r} 47 \\ + 18 \\ \hline 65 \end{array}$	$\begin{array}{r} 67 \\ + 9 \\ \hline 76 \end{array}$					

<p>Gọi hs nhận xét bài trên bảng.</p> <p>-Nhận xét</p> <p>Bài 3 : Giải bài toán theo tóm tắt sau: Thúng cam có : 28 quả Thúng quýt có : 37 quả Cả hai thúng có: ... quả ?</p> <p>-Yc hs dựa vào tóm tắt để đặt đề trước khi giải.</p> <p>-Yc hs tự làm bài, gọi 1 hs lên bảng làm bài.</p> <p>-Nhận xét</p> <p>Bài 4</p> <p>-Hỏi : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ?</p> <p>Để điền dấu đúng trước tiên ta phải làm gì ?</p> <p>-Yc hs tự làm.</p> <p>-Hỏi thêm về cách so sánh $17 + 9$ và $17 + 7$, ngoài cách tính tổng còn có cách so sánh nào khác.</p> <p>-Nhận xét.</p> <p>Hoạt động 2 Củng cố:</p> <p>- Gọi 1HS ĐTL các công thức 7 cộng với 1 số.</p> <p>Nhận xét tiết học</p>	<p style="text-align: center;">41</p> <p style="text-align: center;">-</p> <p>Đề: VD:Thúng cam có 28 quả. Thúng quýt có 37quả. Hỏi cả hai thúng có bao nhiêu quả ?</p> <p>-Tự làm bài</p> <p><u>Bài giải:</u> Cả hai thúng có là $28+37=65$ (quả) <u>Đáp số</u> : 65 quả cam.</p> <p>-Điền dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào ô trống.</p> <p>-Phải thực hiện phép tính, sau đó so sánh 2 kết quả với nhau rồi điền dấu .</p> <p>$17 + 9 > 17 + 7$ $16 + 8 < 28 - 3$ $19 + 7 = 17 + 9$ $23 + 7 = 38 - 8$</p> <p>-...so sánh từng thành phần của phép tính: vì $17=17$; $9>7$ nên $17+9>17+7$.</p>
---	--

Tiết 30: Bài toán về ít hơn

I.MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:Biết giải và trình bày bài giải về ít hơn.
2. Kỹ năng: Biết giải và trình bày bài giải bài toán về ít hơn.
3. Thái độ : Rèn tính cẩn thận cho học sinh

II.CHUẨN BI :

12 uả cam, bảng gài.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1:Gới thiệu bài toán về ít hơn</u> Nêu bài toán : Hàng trên có 7 quả cam, gắn 7 quả cam lên bảng. Hàng dưới có ít hơn cành trên 2 quả, gắn 5 quả cam ở hàng dưới bên trái 7 quả cam của hàng trên. Hỏi cành dưới có bao nhiêu quả cam ? -Gọi hs nêu lại bài toán. -Hàng dưới ít hơn cành trên 2 quả, nghĩa là thế nào ? HDHS tóm tắt. <u>Tóm tắt:</u> Hàng trên : 5 quả cam Hàng dưới ít hơn hàng trên: 2 quả cam. Hàng dưới : ...quả cam ? - Hướng dẫn hs giải bài toán : + Muốn tính số quả cam ở cành dưới ta làm thế nào ? + Yc hs đọc câu trả lời. -Gọi 1 hs lên bảng làm bài, hs khác làm ra nháp.</p> <p><u>Hoạt động 2:Thực hành:</u> <u>Bài 1:</u></p>	<p>- Lắng nghe</p> <p>-Nêu lại bài toán. -Nghĩa là hàng trên nhiều hơn 2 quả.</p> <p>-lấy 7 trừ 5</p> <p><u>Bài giải:</u> Số quả cam cành dưới có là: $7-2=5$ (quả cam) <u>Đáp số</u> : 5 quả cam</p>

<p>-Gọi hs đọc đề bài. -Bài toán cho biết gì ?</p> <p>-Bài toán yc làm gì ? -Bài toán thuộc dạng gì ?</p> <p>- Nhận xét bài</p> <p><u>Bài 2:</u></p> <p>-Gọi hs đọc đề bài - Bài toán thuộc dạng gì? - Yêu cầu HS làm bài</p> <p><u>Tóm tắt :</u> An cao : 95 cm Bình thấp hơn An: 5 cm Bình cao : ... cm?</p> <p>- Nhận xét bài</p> <p><u>Bài 3:</u> Gọi hs đọc đề bài - Bài toán thuộc dạng gì? - Yêu cầu HS làm bài</p> <p>- Nhận xét bài</p> <p><u>Hoạt động 3: Củng cố:</u> - Trong các bài tập hôm nay biết số bé hay biết số lớn ? - Ngoài ra còn biết gì nữa?</p>	<p>-Đọc đề bài -Vườn nhà Mai có 17 cây , vườn nhà Hoa có ít hơn vườn nhà Mai 7 cây. - Tìm số cây cam ở vườn nhà Hoa. -Bài toán về ít hơn -Làm bài. <u>Bài giải:</u> Số cây cam vườn nhà Hoa có là: $17-7=10$ (cây) <u>Đáp số :</u> 17 cây cam</p> <p>- 1 HS đọc đề -Bài toán về ít hơn - HS làm bài</p> <p><u>Bài giải:</u> Chiều cao của Bình là: $95 - 5 = 90$ (cm) <u>Đáp số :</u> 90 cm</p> <p>- 1 HS đọc đề -Bài toán về ít hơn - HS làm bài</p> <p><u>Bài giải:</u> Số học sinh trai của lớp 2A là: $15-3=12$ (học sinh) <u>Đáp số :</u> 12 học sinh.</p> <p>- Biết số lớn - Biết phần hơn.</p>
---	--

Nhận xét tiết học	
-------------------	--

TUẦN 7

Tiết 31: Luyện tập

I.MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:Biết giải bài toán về nhiều hơn, ít hơn.
2. Kỹ năng: Biết giải và trình bày bài giải bài toán về ít hơn.
3. Thái độ : Rèn tính cẩn thận cho học sinh

II . HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p><u>Hoạt động 1: KT bài cũ:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi bài toán trên bảng <p><u>Tóm tắt:</u></p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Hoạt động 2: Luyện tập:</u></p> <p><u>Bài 1:</u> HS đọc đề bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài toán cho biết em kém anh mấy tuổi? - Bài toán thuộc dạng gì? <p>-Nhận xét</p> <p><u>Bài 2 :</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc yêu cầu bài 	<p>- 2 học sinh lên bảng làm</p> <p><u>Bài giải:</u> Số con vịt có là: $13 - 4 = 9$ (con) <u>Đáp số:</u> 9 con</p> <p>- 1 HS đọc tóm tắt ở sgk. -Em kém anh 5 tuổi.</p> <p>-Bài toán thuộc về ít hơn. HS làm vào vở:</p> <p><u>Bài giải:</u> Tuổi em là: $16 - 5 = 11$ (tuổi) <u>Đáp số:</u> 11 tuổi</p> <p>-Học sinh đọc yêu cầu bài</p>

TIẾT 32: KI LÔ GAM

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết nặng hơn, nhẹ hơn giữa 2 vật thông thường.
- Biết ki –lô – gam là đơn vị đo khối lượng; đọc viết tên kí hiệu của nó.

2. Kỹ năng:

- Biết dụng cụ cân đĩa, thực hành cân một số đồ vật quen thuộc.
- Biết thực hiện phép cộng, phép trừ các số kèm đơn vị đó kg.

3. Thái độ : HS yêu thích môn học

II. CHUẨN BỊ :

- Một cái cân đĩa.
- Các quả cân: 1kg, 2kg, 5kg.
- Một số đồ vật dùng để cân: túi gạo nặng 1kg, cặp sách... .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p><u>Hoạt động 1: Giới thiệu về vật nhẹ hơn, nặng hơn:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Đưa 1 quả cân 1 kg và 1 quyển vở- Vật nào nặng hơn, nhẹ hơn?- Cho HS thực hành 3 cặp đồ vật khác <p><u>Kết luận:</u> Muốn biết 1 vật nặng nhẹ thế nào ta cần phải cân vật đó.</p> <p><u>Hoạt động 2: Giới thiệu cái cân và quả cân:</u></p> <p>Cho HS xem cân đĩa. Hãy nhận xét về hình dạng của cân?</p> <p><u>Giới thiệu :</u> Để cân các vật ta dùng đơn vị ki lô gam. Viết tên bài lên bảng. Ki lô gam viết tắt là kg. Cho HS xem quả cân : 1kg, 2kg , 5kg và đọc số đo trên quả cân.</p> <p><u>Hoạt động 3: Giới thiệu cách cân và thực hành cân:</u></p>	<p>HS dùng 1 tay lần lượt nhắc Quả cân nặng hơn quyển vở.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thực hành ước lượng <p>- HS quan sát Cân có 2 đĩa, giữa 2 đĩa có vạch thẳng bằng, kim thẳng bằng.</p> <p>HS đọc ki lô gam. HS quan sát lắng nghe</p>

Gv đặt 1 bao gạo (1 kg) lên đĩa cân phía bên kia là 1 quả cân 1 kg.

- Nhận xét vị trí của kim thẳng bằng?
- Vị trí của 2 đĩa cân thế nào?

Kết luận: Khi đó ta nói túi gạo nặng 1 ki lô gam.

Gv xúc ra 1 ít gạo và cân

Kết luận: Túi gạo nhẹ hơn 1 kg.

Hoạt động 4: Thực hành:

Bài 1:

Yêu cầu HS tự làm

Gọi 2 HS nhìn mẫu đọc

Bài 2:

Viết lên bảng $1\text{ kg} + 2\text{ kg} = 3\text{ kg}$

Giảng: $1 + 2 = 3$. Vậy $1\text{ kg} + 2\text{ kg}$ cũng bằng 3 kg . Khi tính các phép cộng có kèm theo đơn vị đo kg cũng được thực hiện như số tự nhiên sau đó viết thêm tên đơn vị

“ kg” sau kết quả.

-Nhận xét

Bài 3.

- Gọi học sinh đọc đề bài
- Giáo viên hướng dẫn
- Yêu cầu học sinh suy nghĩ làm bài

-Kim chỉ chính giữa.

-Hai đĩa cân ngang bằng nhau.

-HS quan sát

2 HS lên bảng

1. Đọc , viết theo mẫu:

Đọc	Hai ki lô gam	Năm ki lô gam	Ba ki lô gam
Viết	2 kg	5 kg	3 kg

2 HS lên bảng, cả lớp làm vở

$$1\text{kg} + 2\text{k} = 3\text{kg}$$

$$6\text{kg} + 20\text{kg} = 26\text{kg}$$

$$47\text{kg} + 12\text{kg} = 59\text{kg}$$

$$10\text{kg} - 5\text{kg} = 5\text{kg}$$

$$24\text{kg} - 13\text{kg} = 11\text{kg}$$

$$35\text{kg} - 25\text{kg} = 10\text{kg}$$

- Học sinh đọc

- Lắng nghe

<p>- Nhận xét khen ngợi</p> <p><u>Hoạt động 5: Củng cố:</u></p> <p>Viết lên bảng 2kg, 5kg,...</p> <p>GV bỏ cái cân đồng hồ trên bàn</p> <p>Nhận xét tiết học...</p>	<p>- Học sinh làm bài</p> <p><u>Bài giải:</u></p> <p>Cả hai bao gạo cân nặng là:</p> $25 + 10 = 35 \text{ (kg)}$ <p><u>Đáp số:</u> 35 kg gạo.</p> <p>1 số Hs đọc</p> <p>1 số HS can túi gạo (1kg), các em khác quan sát</p> <p>Thực hành xem cân</p>
--	---

Tiết 33: Luyện tập

I.MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:-Biết dụng cụ đo khối lượng: cân đĩa, cân đồng hồ (cân bàn).
2. Kỹ năng:-Biết làm cộng, trừ và giải toán với các số kèm đơn vị kg.
3. Thái độ : Học sinh yêu thích tiết học

II. CHUẨN BỊ :

- Một chiếc cân đồng hồ
- Một bịch đường 3kg, một bịch cam nặng 1kg, một bịch ổi nặng 4 kg, một bịch bánh nhẹ hơn 1kg, một gói kẹo nặng hơn 1kg.
- 6 bài toán nhỏ cho trò chơi, ô số .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>Hoạt động 1. Kiểm tra bài cũ :</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS kể tên đơn vị đo khối lượng vừa học.- Hỏi lại HS về cách viết tắt của kilôgam bằng cách chuẩn bị 3 thẻ từ ghi :<ul style="list-style-type: none">+ kilôgam+ kg+ KG- HS sử dụng bảng Đ, S để nhận biết thẻ từ đúng.- GV ghi sẵn : 3kg, 20kg, 35kg và yêu cầu HS đọc.<ul style="list-style-type: none">- Nhận xét HS. <p>*Giới thiệu bài : Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ làm quen với 1 loại cân khác là cân đồng hồ. Đồng thời, sẽ giải một số bài toán liên quan đến số đo khối lượng có đơn vị là kilôgam.</p> <p>Hoạt động 2: Luyện tập :</p> <p>Bài 1: Giới thiệu cân đồng hồ</p> <ul style="list-style-type: none">- Cho HS quan sát chiếc cân đồng hồ và hỏi :<ul style="list-style-type: none">- Cân đồng hồ có mấy đĩa cân?<ul style="list-style-type: none">- Mặt đồng hồ có gì ?- Nêu : Cân đồng hồ chỉ có một đĩa cân. Khi cân, chúng ta đặt vật cần cân lên đĩa này. Phía dưới đĩa cân có mặt đồng hồ báo số đo vật cần cân. Mặt	<ul style="list-style-type: none">- Kilôgam <p>- HS giơ bảng Đ, S để xác định thẻ từ ghi chữ viết tắt đơn vị đo khối lượng kilôgam.</p> <p>Đúng: kg</p> <p>- Đọc : ba kilôgam, hai mươi kilôgam, ba mươi lăm kilôgam.</p> <ul style="list-style-type: none">- Quan sát chiếc cân.- Cân có một đĩa cân.- Mặt đồng hồ có một chiếc kim, các con số và các vạch chia.

đồng hồ có một chiếc kim quay được và trên đó có ghi các số tương ứng với các vạch chia. Khi đĩa cân chưa có vật gì thì kim chỉ số 0.

- Cách cân : Đặt vật cần cân lên trên đĩa cân, khi đó kim sẽ quay. Kim dừng lại tại vạch nào thì số tương ứng với vạch ấy cho biết vật đặt trên đĩa cân nặng bấy nhiêu kilôgam.

*** Thực hành cân :**

Bài 1 :

-Gọi 3 HS lần lượt lên bảng, thực hành cân túi gạo (2kg), cân chong sách vở (2kg), cân chong sách vở (1kg)

-Sau mỗi lần HS cân, GV cho cả lớp đọc số chỉ trên mặt đồng hồ.

Bài 2; Câu nào đúng ? Câu nào sai ?

-Yêu cầu HS quan sát và làm bài

- Nhận xét

Bài 3: Yêu cầu HS nêu lại cách cộng trừ số đo khối lượng.

-Yêu cầu HS tính nhẩm và ghi kết quả vào sau dấu bằng.

-GV nhận xét

Bài 4

-Gọi 1 HS đọc đề toán.

+ Bài toán cho biết gì ?

+ Bài toán hỏi gì ?

Tóm tắt:

- 3 HS lên bảng lần lượt thực hành cân.

- Đọc số chỉ trên mặt đồng hồ.

- HS đọc đề bài

- HS quan sát và làm bài

Các câu b, c, g đúng.

Các câu a, d, e sai.

- Lấy số đo cộng với số đo, sau đó viết kết quả và kí hiệu của tên đơn vị vào sau kết quả.

- Tính nhẩm và làm vào vở.

$$3 \text{ kg} + 6 \text{ kg} - 4 \text{ kg} = 5 \text{ kg}$$

$$15 \text{ kg} - 10 \text{ kg} + 7 \text{ kg} = 12 \text{ kg}$$

$$- 8 \text{ kg} - 4 \text{ kg} + 9 \text{ kg} = 13 \text{ kg}$$

$$16 \text{ kg} + 2 \text{ kg} - 5 \text{ kg} = 13 \text{ kg}$$

- Đọc đề toán.

-Mẹ mua về 26 kg vừa gạo tẻ vừa gạo nếp. Trong đó có 16 kg gạo tẻ.

-Hỏi mẹ mua bao nhiêu kilôgam gạo nếp ?

<p>Gạo tẻ và nếp: 26 kg Gạo tẻ : 16 kg Gạo nếp : ... kg? - Yêu cầu HS tự giải. Gọi 1 HS lên bảng làm bài.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p><i>Bài 5:</i> - Gọi 1 HS đọc đề toán. + Bài toán cho biết gì ? + Bài toán hỏi gì ?</p> <p>Yêu cầu HS tự giải. Gọi 1 HS lên bảng làm bài.</p> <p><u>Hoạt động 3: Củng cố:</u> Gọi 2 HS nhắc lại cách sử dụng cân đồng hồ, cách thực hiện phép cộng trừ với đơn vị đo khối lượng. Nhận xét tiết học</p>	<p>- Tự làm bài <u>Bài giải:</u> Số ki lô gam gạo nếp mẹ mua về là: $26 - 16 = 10$ (kg) <u>Đáp số:</u> 10 kg gạo nếp.</p> <p>- Đọc đề toán - Học trả lời - Con ngỗng cân nặng bao nhiêu cân ?</p> <p><u>Bài giải:</u> Con ngỗng cân nặng là: $2 + 3 = 5$ (kg) <u>Đáp số:</u> 5 kg.</p>
---	---

Tiết 34: 6 cộng với một số $6 + 5$

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :

- Biết cách thực hiện phép cộng dạng $6 + 5$, lập được bảng 6 cộng với một số.
- Nhận biết trực giác về tính chất giao hoán của phép cộng.
- Dựa vào bảng 6 cộng với một số để tìm được số thích hợp điền vào ô trống.

2. Kỹ năng :

- Tự lập và học thuộc bảng các công thức 6 cộng với một số.
- 3.Thái độ : Rèn tính cẩn thận cho học sinh

II. CHUẨN BI :

Que tính, bảng gài.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: Giới thiệu phép cộng 6 + 5</u></p> <p>Bước 1: Giới thiệu</p> <p>-Nêu bài toán : Có 6 que tính, thêm 5 que tính nữa. Hỏi tất cả có bao nhiêu que tính ?</p> <p>-Để biết có tất cả bao nhiêu que tính, ta làm thế nào ?</p> <p>Bước 2 : Đi tìm kết quả</p> <p>-Yêu cầu HS sử dụng que tính để tìm kết quả.</p> <p>-6 que tính thêm 5 que tính nữa là bao nhiêu que tính ?</p> <p>- Yêu cầu HS nêu cách làm.</p> <p>Bước 3 : Đặt tính và thực hiện phép tính</p> <p>-HDHS đặt tính và thực hiện phép tính.</p> $\begin{array}{r} 6 \\ + 5 \\ \hline 11 \end{array}$ <p>-Kết luận về cách thực hiện phép cộng 6 + 5 Tính: 6 cộng 5 bằng 11 viết 1 thẳng 6 và 5, viết 1 chục ở cột chục.</p> <p>Hoạt động 2: Bảng công thức 6 cộng với một số</p> <p>-Yêu cầu HS sử dụng que tính để tìm kết quả các phép tính sau đó điền vào bảng.</p> <p>-Xoá dần bảng các công thức cho HS đọc thuộc lòng.</p> <p><u>Hoạt động 3: Thực hành</u></p> <p><u>Bài 1: Tính nhẩm:</u></p>	<p>Nghe và phân tích đề toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy 6 + 5. - Thao tác trên que tính. - Là 11 que tính - Trả lời. <p>-Thao tác trên que tính, ghi kết quả tìm được của từng phép tính.</p> <p>6+5=11 6+6=12 6+7=13 6+8=14 6+9=15</p> <p>-Học thuộc lòng các công thức 6 cộng với 1 số.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài